

Số: ..05../QĐ-GMDDQ

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 05 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Luật giá 2012 số 11/2012/QH13 quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước, áp dụng với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên lãnh thổ Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 4300339633, đăng ký thay đổi lần 07 ngày 23/08/2018 của Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất.

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là phụ lục kê khai giá dịch vụ tại Cầu cảng số 1, khu bến tổng hợp I - Cảng biển Dung Quất thuộc Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất.

Điều 2: Các phòng ban và cá nhân liên quan có nhiệm vụ thi hành Quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính Quảng Ngãi;
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi;
- Các đơn vị đối tác;
- Các Phòng ban liên quan;
- Lưu CMS.



Nguyễn Duy Ngọc

Số .92.../GMD DQ
V/v Niêm yết giá dịch vụ tại Cảng
biển GMD DQ

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 05 năm 2020

Kính gửi: - Sở Tài Chính tỉnh Quảng Ngãi;
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi.

Thực hiện theo Thông tư số 54/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ GTVT về việc qui định việc niêm yết giá, kê khai giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa Container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất gửi đăng ký thông tin niêm yết giá và bảng niêm yết giá dịch vụ hàng hóa tại Cầu cảng số 1, khu bến tổng hợp I - Cảng biển Dung Quất thuộc Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất (như phụ lục đính kèm).

Mức niêm yết giá thực hiện từ ngày 12/05/2020.

Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ
GEMADEPT DUNG QUẤT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ACR

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI	
ĐẾN Số:.....	Ngày: 12/5/2020
Chuyên:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	



Nguyễn Duy Ngọc

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Công ty CP Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất
- Địa chỉ: Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi
- Số điện thoại liên lạc: 02553.618.660 Số fax: 02553.618.663
- Địa chỉ trang điện tử: www.gemadepdungquat.com

Ghi nhận ngày nộp Văn bản niêm yết giá
của cơ quan tiếp nhận

- (Cơ quan tiếp nhận Văn bản niêm yết giá ghi ngày tháng năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)
- Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Văn bản không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức niêm yết giá mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Văn bản thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá niêm yết.

Phụ lục. Bảng kê khai giá dịch vụ tại Cầu cảng số 1, khu bến tổng hợp I - Cảng biển Dung Quất thuộc Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất.



Thực hiện theo Thông tư số 54/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ GTVT

1. Bảng kê khai giá dịch vụ bốc dỡ hàng rời

Biểu 1. Đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất

Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Xếp hàng	Dỡ hàng	Ghi chú
Hàng dăm gỗ				
Xếp dỡ dăm gỗ từ ô tô - >hầm tàu (cầu tàu)	VNĐ/Tấn	33.600		
Phụ thu xếp dỡ sử dụng băng tải/cầu bờ	VNĐ/Tấn	16.662		
Hàng thiết bị	USD/RT	2,99	2,39	

Ghi chú: - RT là Giá trị lớn nhất giữa tấn và mét khối. $RT = \max(\text{Tấn}/1000, \text{Khối}/1133)$

- Tỷ giá USD được quy đổi tại thời điểm báo giá.

Biểu 2. Đối với hàng hóa nội địa

Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Xếp hàng	Dỡ hàng	Ghi chú
Hàng thiết bị	VNĐ/RT	36.400	29.000	

Ghi chú: RT là Giá trị lớn nhất giữa tấn và mét khối. $RT = \max(\text{Tấn}/1000, \text{Khối}/1133)$

2. Bảng kê khai giá dịch vụ cầu bến, phao neo thuộc khu vực hàng hải

Biểu 3: Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa

ĐVT: đồng/GT/Giờ

STT	Loại phương tiện hình thức sử dụng	Mức thu	Ghi chú
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu	15	
2	Tàu thuyền neo buộc tại phao	10	

Biểu 4. Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế

ĐVT: USD/GT/Giờ

STT	Loại phương tiện hình thức sử dụng	Mức thu	Ghi chú
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu	0,0031	
2	Tàu thuyền neo buộc tại phao	0,0013	
3	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu,	0,0060	
4	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao	0,0015	

